

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

-----o0o-----

NÔNG THỊ NGÂN GIANG

**HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Hà Nội - 2015

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

-----o0o-----

NÔNG THỊ NGÂN GIANG

**HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

Mã số: 60 34 02 01

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS. TS. ĐÀO VĂN HÙNG

**XÁC NHẬN CỦA
CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**XÁC NHẬN CỦA CHỦ TỊCH HĐ
CHẤM LUẬN VĂN**

Hà Nội - 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào.

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành chương trình cao học và viết luận văn này, tôi đã nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ và góp ý nhiệt tình của quý thầy cô Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn đến quý thầy cô trường Đại học Kinh tế, đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ cho tôi trong quá trình học tập.

Tôi xin gửi lời biết ơn sâu sắc đến PGS.TS. Đào Văn Hùng đã dành rất nhiều thời gian và tâm huyết hướng dẫn nghiên cứu và giúp tôi hoàn thành luận văn tốt nghiệp.

Mặc dù tôi đã có nhiều cố gắng nỗ lực, tìm tòi, nghiên cứu để hoàn thiện luận văn, tuy nhiên không thể tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được những đóng góp tận tình của quý thầy cô và các bạn

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	i
DANH MỤC BẢNG BIỂU	ii
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	iii
LỜI NÓI ĐẦU	4
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG	7
1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	7
1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG CỦA MỘT DOANH NGHIỆP	10
1.2.1. Vốn lưu động và vai trò của vốn lưu động trong doanh nghiệp ...	10
1.2.2. Hiệu quả sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp.....	Error!
Bookmark not defined.	
CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	Error! Bookmark not defined.
2.1. THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU.....	Error! Bookmark not defined.
2.2. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN	Error! Bookmark not defined.
2.3. PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH THÔNG TIN	Error!
Bookmark not defined.	
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ	Error! Bookmark not defined.
3.1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ	Error!
Bookmark not defined.	
3.1.1. Quá trình phát triển của Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Error!
Bookmark not defined.	

3.1.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà.....**Error! Bookmark not defined.**

3.1.3. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà giai đoạn 2012 – 2014**Error! Bookmark not defined.**

3.2. THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ GIAI ĐOẠN 2012 - 2014**Error! Bookmark not defined.**

3.2.1. Cơ cấu vốn kinh doanh của Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà**Error! Bookmark not defined.**

3.2.2. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà**Error! Bookmark not defined.**

3.3. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**Error! Bookmark not defined.**

3.3.1. Những kết quả đạt được trong quá trình quản lý và sử dụng vốn lưu động giai đoạn 2012 – 2014 của công ty**Error! Bookmark not defined.**

3.3.2. Những tồn tại trong quá trình quản lý và sử dụng vốn lưu động của công ty**Error! Bookmark not defined.**

3.3.3. Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong việc quản lý và sử dụng vốn lưu động của công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà**Error! Bookmark not defined.**

CHƯƠNG 4: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**Error! Bookmark not defined.**

4.1. Định hướng phát triển của Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà**Error! Bookmark not defined.**

- 4.1.1. Những cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian tới**Error! Bookmark not defined.**
- 4.1.2. Phương hướng và mục tiêu phát triển của Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà trong thời gian tới**Error! Bookmark not defined.**
- 4.2. Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà**Error! Bookmark not defined.**
- 4.2.1. Tăng cường công tác quản lý và thu hồi các khoản phải thu (chủ yếu là phải thu khách hàng và trả trước cho người bán).....**Error! Bookmark not defined.**
- 4.2.2. Quản lý chặt chẽ và nâng cao khả năng sinh lời vốn bằng tiền**Error! Bookmark not defined.**
- 4.2.3. Tăng cường công tác quản lý vật tư, đẩy nhanh tiến độ sản xuất, giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.....**Error! Bookmark not defined.**
- 4.2.4. Sử dụng tốt các khoản phải trả để làm công cụ chiếm dụng vốn**Error! Bookmark not defined.**
- 4.2.5. Tổ chức tốt việc tiêu thụ nhằm đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn lưu động.....**Error! Bookmark not defined.**
- 4.2.6. Xây dựng kế hoạch huy động và sử dụng vốn lưu động**Error! Bookmark not defined.**
- 4.2.7. Tổ chức tốt công tác tài chính trên cơ sở không ngừng nâng cao trình độ cán bộ quản lý tài chính.....**Error! Bookmark not defined.**
- 4.2.8. Rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh, giảm giá thành thông qua việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất**Error! Bookmark not defined.**
- 4.2.9. Có biện pháp phòng ngừa những rủi ro có thể xảy ra.....**Error! Bookmark not defined.**

4.3. Một số kiến nghị với Nhà nước	Error! Bookmark not defined.
KẾT LUẬN	Error! Bookmark not defined.
TÀI LIỆU THAM KHẢO	13
PHỤ LỤC	Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Nguyên nghĩa
1.	CTCP	Công ty cổ phần
2.	DN	Doanh nghiệp
3.	LN	Lợi nhuận
4.	SXKD	Sản xuất kinh doanh
5.	VLĐ	Vốn lưu động

DANH MỤC BẢNG BIỂU

TT	Bảng	Nội dung	Trang
1.	Bảng 3.1	Kết quả hoạt động SXKD của CTCP Bánh kẹo Hải Hà năm 2012 – 2014	34
2.	Bảng 3.2	Cơ cấu vốn kinh doanh và nguồn vốn kinh doanh của CTCP Bánh kẹo Hải Hà	38
3.	Bảng 3.3	Cơ cấu VLĐ của CTCP Bánh kẹo Hải Hà	40
4.	Bảng 3.4	Các chỉ tiêu về hàng tồn kho của công ty	43
5.	Bảng 3.5	So sánh các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng VLĐ của công ty với các công ty khác cùng ngành	45
6.	Bảng 3.6	Cơ cấu và sự biến động các khoản phải thu của công ty	47
7.	Bảng 3.7	Các chỉ tiêu về các khoản phải thu của công ty	49
8.	Bảng 3.8	Tình hình chiếm dụng vốn và bị chiếm dụng vốn của công ty	50
9.	Bảng 3.9	Các chỉ tiêu về tiền và các khoản tương đương tiền của công ty	52
10.	Bảng 3.10	Khả năng thanh toán của công ty	53
11.	Bảng 3.11	Các chỉ tiêu phản ánh hiệu suất sử dụng VLĐ của công ty	55
12.	Bảng 3.12	Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng VLĐ của công ty	57

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

STT	Hình	Nội dung	Trang
1.	Biểu đồ 3.1	Sự biến động hàng tồn kho của công ty qua các năm 2012 - 2014	42

LỜI NÓI ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vốn là yếu tố tiền đề, cơ bản, có tầm quan trọng đặc biệt trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như sự phát triển của bất cứ DN nào. Đặc biệt trong bối cảnh kinh doanh hiện nay: khủng hoảng kinh tế thế giới, môi trường kinh doanh biến động, chính sách thắt chặt tiền tệ, kinh tế trong nước suy giảm,...thì vấn đề vốn càng trở thành một vấn đề nóng và thu hút sự quan tâm đối với tất cả các DN. Thời gian qua, trên thực tế đã có không ít DN không tìm được lời giải về vốn đã phải tuyên bố phá sản hoặc lâm vào tình trạng đình trệ sản xuất, nhân viên không có việc làm,... Do đó, huy động vốn bằng cách nào và làm thế nào để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn luôn luôn là vấn đề trăn trở xuyên suốt của tất cả các DN.

VLĐ là một bộ phận của vốn kinh doanh, nó tham gia vào hầu hết các giai đoạn của chu kỳ sản xuất kinh doanh, là yếu tố bắt đầu và kết thúc của quá trình hoạt động. Quản lý và sử dụng VLĐ là một trong những nội dung quản lý tài chính quan trọng đối với các DN trong nền kinh tế thị trường. Song, không phải DN nào cũng sử dụng VLĐ có hiệu quả, đặc biệt là trong điều kiện nền kinh tế nước ta hiện nay, việc vay vốn gặp nhiều khó khăn không đảm bảo đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

Do vậy, các DN muốn tồn tại và phát triển được trong cơ chế thị trường ngày nay thì một trong những việc phải làm là nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng VLĐ. Vấn đề này không còn mới mẻ nhưng luôn được đặt ra cho các DN, nó quyết định đến sự sống còn của DN.

CTCP bánh kẹo Hải Hà là một trong những DN chuyên sản xuất bánh kẹo lớn tại Việt Nam. Cũng như các DN khác, vấn đề vốn và hiệu quả sử dụng vốn được các nhà quản trị đặc biệt quan tâm. Tuy nhiên, trong thời gian qua, vấn đề hiệu quả sử dụng VLĐ của công ty đã bộc lộ nhiều bất cập, cần hoàn thiện.

Là học viên cao học đang thực hiện luận văn tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng của Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, nhận thức được sự cần thiết trên và mong muốn luận văn tốt nghiệp của mình được gắn với thực tiễn của đơn vị sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự phát triển của công ty nói

chung, em đã lựa chọn đề tài: “*Hiệu quả sử dụng VLD tại CTCP bánh kẹo Hải Hà*” làm đề tài luận văn tốt nghiệp.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu

Xây dựng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng VLD của CTCP bánh kẹo Hải Hà trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề chung về vốn, hiệu quả sử dụng vốn của DN, thực tế hiệu quả sử dụng vốn của công ty trong thời gian qua.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận văn phải giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận làm chỗ dựa cho việc phân tích hiệu quả sử dụng VLD ở một công ty.
- Phân tích thực trạng hiệu quả sử dụng VLD của CTCP bánh kẹo Hải Hà, chỉ rõ mặt hạn chế, bất cập và những nguyên nhân của chúng.
- Đề xuất, luận giải các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng VLD tại CTCP bánh kẹo Hải Hà.

Với mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu trên, luận văn sẽ trả lời các câu hỏi:

- Hiệu quả sử dụng VLD tại CTCP bánh kẹo Hải Hà như thế nào trong các năm 2012 – 2014?
- Làm thế nào để tăng hiệu quả sử dụng VLD tại CTCP Bánh kẹo Hải Hà?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Các vấn đề về VLD, hiệu quả sử dụng VLD của CTCP bánh kẹo Hải Hà.

Phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu hoạt động sử dụng VLD nhằm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng VLD trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các mặt hàng bánh kẹo của CTCP bánh kẹo Hải Hà các năm 2012, 2013, 2014.

4. Đóng góp mới của luận văn

Luận văn đã phân tích và đánh giá hiệu quả sử dụng VLD của CTCP Bánh kẹo Hải Hà giai đoạn 2012 – 2014.

Trong luận văn, tác giả đã so sánh các chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng VLD của CTCP Bánh kẹo Hải Hà với các công ty khác là đối thủ cạnh tranh cùng ngành, từ đó có một cái nhìn khái quát, tổng quan hơn để thấy được những ưu, nhược điểm. Không chỉ so sánh với chính công ty các kỳ trước, mà còn so sánh với các công ty khác, đây là điểm mới của luận văn.

Luận văn còn đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng VLD của CTCP Bánh kẹo Hải Hà trong thời gian tới.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài lời nói đầu và lời kết, luận văn được chia làm 4 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về hiệu quả sử dụng VLD và tổng quan tình hình nghiên cứu.

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu.

Chương 3: Phân tích hiệu quả sử dụng VLD tại CTCP bánh kẹo Hải Hà.

Chương 4: Định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng VLD tại CTCP bánh kẹo Hải Hà.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Nâng cao hiệu quả sử dụng VLD là mục tiêu phấn đấu lâu dài của mỗi DN. Hiệu quả sử dụng vốn nói chung và hiệu quả sử dụng VLD nói riêng gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của DN. Do vậy, vấn đề sử dụng vốn một cách có hiệu quả luôn là vấn đề đặt ra với mọi DN. “Hiệu quả sử dụng VLD” là một đề tài được quan tâm trong nhiều công trình nghiên cứu đã công bố.

Đàm Văn Huệ, 2006 trong cuốn “Hiệu quả sử dụng vốn trong các DN vừa và nhỏ” đã chỉ ra tính chất, đặc điểm của các DN vừa và nhỏ cũng như các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nói chung và VLD nói riêng. Ở Việt Nam, theo số liệu thống kê, hiện nay doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm tới 97% tổng số doanh nghiệp, trong đó số lượng doanh nghiệp vi mô chiếm một vị trí đáng kể. Các doanh nghiệp này hiện đang sử dụng 50% lực lượng lao động của nền kinh tế và đóng góp khoảng 40% GDP hằng năm. Tuy nhiên, hiện nay một trong những khó khăn lớn nhất của các doanh nghiệp vừa và nhỏ là thiếu vốn, số lượng doanh nghiệp này tiếp cận được vốn của các ngân hàng thương mại thường chỉ chiếm khoảng 30% . Nguyên nhân là do các DN vừa và nhỏ hạn chế về năng lực tài chính; các DN vừa và nhỏ vẫn chưa thiết lập được chiến lược thuyết phục các nhà tài trợ, chưa xây dựng được mục tiêu chiến lược kinh doanh dài hạn, do đó không thuyết phục được ngân hàng cho vay; báo cáo tài chính của DN vừa và nhỏ chưa phản ánh đầy đủ kết quả SXKD, hệ quả là việc phân tích, đánh giá tình hình tài chính của DN vừa và nhỏ không đủ độ tin cậy, ảnh hưởng đến quyết định cấp tín dụng của các ngân hàng thương mại đối với DN. Tác giả đã đề ra nhiều giải pháp để giải quyết khó khăn về vốn cho các DN vừa và nhỏ. Ngoài ra, tác giả cho rằng, trong công tác quản lý VLD, vấn đề tối quan trọng là phải xác định được nhu cầu VLD cần thiết, tuy nhiên đây lại là một vấn đề phức tạp. Tùy theo đặc điểm kinh doanh và điều kiện cụ thể của DN trong từng thời kỳ mới có thể lựa chọn áp dụng các phương pháp khác nhau để xác định nhu cầu VLD.

Trần Văn Nhã, 2012 đã nghiên cứu và đưa ra một số giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng VLD tại Công ty cổ phần lương thực Đà Nẵng, đó là việc dự toán nhu cầu VLD cần thiết cho quá trình hoạt động kinh doanh của công ty; lập ngân sách tiền mặt bằng việc dự tính nguồn thu và các khoản chi, sau đó tiến hành cân đối cả về thời gian và khối lượng tiền tổng nguồn thu và tổng các khoản chi để giảm thiểu chênh lệch; xây dựng quy trình thu nợ với đầy đủ thời hạn của các khoản nợ, biện pháp tác động đến khách hàng và bộ phận thực hiện, nâng cao hiệu quả thu hồi nợ bằng việc sử dụng kế toán thu hồi nợ chuyên nghiệp hoặc sử dụng dịch vụ bao thanh toán; hoàn thiện chính sách bán chịu; thiết lập mô hình tồn kho hợp lý, gồm có việc xác định khối lượng đặt hàng tối ưu, xác định điểm đặt hàng lại, xác định dự trữ tồn kho an toàn, xác định độ lớn đơn hàng tối ưu trong trường hợp được giảm giá theo số lượng.

Luyện Thị Thanh Hà, 2013 trong luận văn thạc sỹ của mình đã chỉ ra rằng áp dụng các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng VLD cần dựa trên cơ sở phân tích đánh giá chính xác thực trạng của từng đơn vị để nghiên cứu, đề xuất giải pháp cụ thể gắn với điều kiện hoàn cảnh thực tế của đơn vị mới đạt được kết quả mong muốn. Tác giả cho rằng, thay đổi nhận thức và nhận thức đúng đắn về hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh là việc làm cần thiết, trước hết là nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của ngành để hội nhập và là cơ sở đảm bảo cho sự phát triển bền vững đối với công ty. Đồng thời, nâng cao hiệu quả sử dụng VLD nói riêng và vốn kinh doanh nói chung trước hết phải trên cơ sở vận động của chính bản thân doanh nghiệp, chứ không thể ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước.

Ngô Thu Yến, 2010 khi nghiên cứu về hiệu quả sử dụng VLD tại CTCP Xây lắp bưu điện Hà Nội (Hasisco) đã nhận thấy rằng dù ở bất kỳ môi trường nào, nhân tố con người vẫn được đặt lên hàng đầu, trong điều kiện cạnh tranh gay gắt như hiện nay, DN không chỉ cần có vốn, công nghệ mà quan trọng hơn cả là con người. Trong những năm qua, Hasisco chưa tận dụng được hết sức lực, trí tuệ của cán bộ công nhân viên trong công ty, chưa phát huy được hết tiềm năng con người. Công ty cần phải xét lại cơ cấu nhân sự, tìm hiểu đánh giá năng lực, trình độ của từng người, quy hoạch và đào tạo cán bộ quản lý có trình độ lý luận và thực tiễn để có thể quản

trị tốt VLD và các vấn đề khác trong công ty. Tăng cường bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhất là cán bộ quản lý tài chính. Cán bộ lãnh đạo, cán bộ tài chính phải năng động, nhạy bén với thị trường, mặt hàng. Phát huy được nhân tố con người chính là phát huy được nội lực to lớn trong tổng thể các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nói riêng và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty nói chung.

Hà Thị Thanh Huyền, 2012 sau khi nghiên cứu về hiệu quả sử dụng VLD tại Công ty cổ phần liên doanh Tư vấn và xây dựng – COFEC, đã chỉ ra một số nguyên nhân của việc hiệu quả sử dụng VLD chưa cao. Nguyên nhân khách quan là tốc độ tăng trưởng chậm của nền kinh tế, sức mua của thị trường bị giảm sút; những rủi ro bất thường trong quá trình sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, những rủi ro thiên tai như lũ lụt, hỏa hoạn,... mà các DN không thể lường trước được; tác động của cách mạng khoa học công nghệ làm giảm giá trị của tài sản, vật tư; chính sách của Nhà nước thay đổi về luật, thuế,... Ngoài ra còn có các nguyên nhân chủ quan như xác định nhu cầu VLD thiếu chính xác dẫn đến tình trạng thừa hoặc thiếu vốn trong SXKD; việc lựa chọn phương án đầu tư hiệu quả hay không; trình độ quản lý DN yếu kém; việc kinh doanh thua lỗ kéo dài, lợi dụng sơ hở của các chính sách gây thất thoát VLD.

Trần Xuân Nghĩa, 2012 trong nghiên cứu của mình cũng đã đề ra được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng VLD tại Viễn thông Lâm Đồng, trong đó có giải pháp quan hệ tốt với ngân hàng trong việc vay vốn và thanh toán vì đây là nguồn VLD cơ bản linh hoạt và thuận tiện. Cụ thể như thanh toán đúng thời hạn quy định, tuyệt đối không để nợ quá hạn, sử dụng tiền vay đúng mục đích, thực hiện các thủ tục vay một cách nghiêm túc. Đồng thời, phải quan hệ tốt với khách hàng, vì đây là điều kiện quyết định sự tồn tại của một DN trên thị trường. DN cần không ngừng nâng cao uy tín với khách hàng, luôn giao hàng đúng thời hạn, đủ số lượng, chất lượng, mẫu mã, quy cách như trong hợp đồng. Trường hợp hàng có lỗi không đúng như yêu cầu, DN cần sẵn sàng bồi thường thiệt hại hoặc giảm giá số hàng đó. Tác giả cũng nhận thấy rằng làm thế nào để có những phương thức quản lý vốn lưu động hữu hiệu nhất góp phần nâng

cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nói chung của mỗi doanh nghiệp, là một vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Nhìn chung, hiệu quả sử dụng VLD không phải là vấn đề mới, tuy nhiên, tại đơn vị nghiên cứu là CTCP Bánh kẹo Hải Hà, trong giai đoạn từ 2012 – 2014 thì chưa có nghiên cứu nào. Việc tác giả chọn đề tài “Hiệu quả sử dụng VLD tại CTCP Bánh kẹo Hải Hà” nhằm đáp ứng ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG CỦA MỘT DOANH NGHIỆP

1.2.1. Vốn lưu động và vai trò của vốn lưu động trong doanh nghiệp

1.2.1.1. Khái niệm

Khác với tư liệu lao động, đối tượng lao động chỉ tham gia và một chu kỳ sản xuất, đến chu kỳ sản xuất sau lại phải sử dụng các đối tượng lao động khác. Phần lớn các đối tượng lao động thông qua quá trình chế biến hợp thành thực thể của sản phẩm như bông thành sợi, cát thành thủy tinh, một số khác bị mất đi như các loại nhiên liệu. Bất kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh nào cũng cần phải có các đối tượng lao động. Trong DN, đối tượng lao động chính là các tài sản lưu động.

Tài sản lưu động là những tài sản ngắn hạn và thường xuyên luân chuyển trong quá trình kinh doanh. Trong bảng cân đối kế toán của DN, tài sản lưu động được thể hiện ở các bộ phận: tiền mặt, các chứng khoán thanh khoản cao, phải thu và dự trữ tồn kho. Giá trị các loại tài sản lưu động của DN sản xuất thường chiếm tỉ trọng lớn trong tổng tài sản.

Để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành thường xuyên, liên tục, đòi hỏi DN phải có một lượng tài sản lưu động nhất định. Do đó, để hình thành nên các tài sản lưu động, DN phải ứng ra một số vốn tiền tệ nhất định đầu tư vào các tài sản đó. Số vốn này được gọi là VLD của DN (Nguyễn Đình Kiệm và Bạch Đức Hiền, 2010).

Từ những sự phân tích trên có thể rút ra: “VLD của DN là số vốn ứng ra để hình thành nên các tài sản lưu động nhằm đảm bảo cho quá trình kinh doanh của

DN được thực hiện thường xuyên, liên tục. VLĐ luân chuyển toàn bộ giá trị ngay trong một lần và được thu hồi toàn bộ, hoàn thành một vòng luân chuyển khi kết thúc một chu kì kinh doanh” (Nguyễn Đình Kiệm và Bạch Đức Hiền, 2010, trang 90).

1.2.1.2. Đặc điểm của vốn lưu động

VLĐ của DN thường xuyên vận động, chuyển hóa lần lượt qua nhiều hình thái khác nhau. Đối với DN sản xuất, VLĐ từ hình thái ban đầu là tiền được chuyển hóa sang hình thái vật tư dự trữ, sản phẩm dở dang, thành phẩm hàng hóa, khi kết thúc quá trình tiêu thụ lại trở về hình thái ban đầu là tiền. Đối với DN thương mại, sự vận động của VLĐ nhanh hơn, từ hình thái vốn bằng tiền chuyển hóa sang hình thái hàng hóa và cuối cùng chuyển về hình thái tiền. Quá trình hoạt động kinh doanh của DN diễn ra liên tục không ngừng, nên sự tuần hoàn của VLĐ cũng diễn ra liên tục, lặp đi lặp lại có tính chất chu kì tạo thành sự chu chuyển của VLĐ.

Trong quá trình kinh doanh, VLĐ chu chuyển không ngừng, nên tại một thời điểm nhất định, VLĐ thường xuyên có các bộ phận cùng tồn tại dưới các hình thái khác nhau trong các giai đoạn mà vốn đi qua.

Trong quá trình tham gia vào hoạt động kinh doanh, do bị chi phối bởi các đặc điểm của tài sản lưu động nên VLĐ của DN có các đặc điểm sau:

- VLĐ trong quá trình chu chuyển luôn thay đổi hình thái biểu hiện.
- VLĐ chuyển toàn bộ giá trị ngay trong một lần và được hoàn lại toàn bộ sau mỗi chu kì kinh doanh.
- VLĐ hoàn thành một vòng tuần hoàn sau một chu kì kinh doanh.

VLĐ là điều kiện vật chất không thể thiếu được của quá trình tái sản xuất. Muốn cho quá trình tái sản xuất được liên tục, DN phải có đủ tiền vốn đầu tư vào các hình thái khác nhau của VLĐ, khiến cho các hình thái có được mức tồn tại hợp lý và đồng bộ với nhau. Như vậy sẽ tạo điều kiện cho chuyển hóa hình thái của vốn trong quá trình luân chuyển được thuận lợi, góp phần tăng tốc độ luân chuyển VLĐ, tăng hiệu suất sử dụng VLĐ và ngược lại.

(Nguyễn Đình Kiệm và Bạch Đức Hiền, 2010).

1.2.1.3. Phân loại vốn lưu động

Để quản lý VLĐ được tốt cần phải phân loại VLĐ. Dựa theo tiêu thức khác nhau, có thể chia VLĐ thành các loại khác nhau. Nguyễn Đình Kiệm và Bạch Đức Hiền (2010) có các cách phân loại sau:

- Dựa theo hình thái biểu hiện của vốn, có thể chia VLĐ thành: Vốn bằng tiền và vốn về hàng tồn kho.

- *Vốn bằng tiền và các khoản phải thu*

Vốn bằng tiền gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển. Tiền là một loại tài sản có tính linh hoạt cao, DN có thể dễ dàng chuyển đổi thành các loại tài sản khác hoặc để trả nợ. Do vậy, hoạt động kinh doanh đòi hỏi mỗi DN cần phải có một lượng tiền cần thiết nhất định.

Các khoản phải thu: Chủ yếu là các khoản phải thu từ khách hàng thể hiện ở số tiền mà các khách hàng nợ DN phát sinh trong quá trình bán hàng, cung ứng dịch vụ dưới hình thức bán trước trả sau. Ngoài ra, với một số trường hợp mua sắm vật tư khan hiếm, DN có thể phải ứng trước tiền mua hàng cho người cung ứng, từ đó hình thành khoản tạm ứng.

- *Vốn về hàng tồn kho*

Trong DN sản xuất, vốn về hàng tồn kho gồm:

Vốn nguyên vật liệu chính: Là giá trị các loại nguyên vật liệu chính dự trữ cho sản xuất, khi tham gia vào sản xuất, chúng hợp thành thực thể của sản phẩm.

Vốn vật liệu phụ: Là giá trị các loại vật liệu phụ dự trữ cho sản xuất, giúp cho việc hình thành sản phẩm, nhưng không hợp thành thực thể chính của sản phẩm, chỉ làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình sản xuất kinh doanh thực hiện thuận lợi.

Vốn nhiên liệu: Là giá trị các loại nhiên liệu dự trữ dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính, 2005. *Chính sách và chế độ tài chính đối với DN*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tư pháp.
2. Hồ Ngọc Cẩn, 2006. *Những quy định mới về công tác quản lý tài chính trong các đơn vị hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài chính.
3. Ngô Thế Chi và Nguyễn Trọng Cơ, 2005. *Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài chính.
4. Ngô Thế Chi và Vũ Công Ty, 2001. *Đọc, lập, phân tích tài chính*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
5. Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà, 2012, 2013, 2014. *Báo cáo tài chính năm 2012, 2013, 2014*. Hà Nội, năm 2012, 2013, 2014.
6. Công ty cổ phần Bibica, 2014. *Báo cáo tài chính năm 2014*. Hà Nội, năm 2014.
7. Công ty cổ phần Kinh đô, 2014. *Báo cáo tài chính năm 2014*. Hà Nội, năm 2014.
8. Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị, 2014. *Báo cáo tài chính năm 2014*. Hà Nội, năm 2014.
9. Phạm Thị Gái, 2004. *Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
10. Trần Thị Thái Hà, 2005. *Đầu tư tài chính*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Luyện Thị Thanh Hà, 2013. *Nâng cao hiệu quả sử dụng VLD tại Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện*. Luận văn thạc sỹ. Trường Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông.
12. Vũ Duy Hào, 2000. *Những vấn đề cơ bản về quản trị tài chính DN*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
13. Ngô Quỳnh Hoa, 2004. *101 câu hỏi về quản lý tài chính và sử dụng vốn trong DN*. Hà Nội: NXB Lao động xã hội.

14. Đàm Văn Huệ, 2006. *Hiệu quả sử dụng vốn trong các DN vừa và nhỏ*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
15. Nguyễn Ngọc Hùng, 1999. *Giáo trình tài chính - tiền tệ*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
16. Hà Thị Thanh Huyền, 2012. *Hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty cổ phần liên doanh Tư vấn và xây dựng – COFEC*. Luận văn thạc sỹ. Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.
17. Nguyễn Đình Kiệm và Bạch Đức Hiền, 2010. *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài chính.
18. Nguyễn Ngọc Minh, 2014. *Kỹ năng 3 trong 1 của người quản lý DN nhỏ*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
19. Nguyễn Đăng Nam và Nguyễn Đình Kiệm, 2001. *Quản trị tài chính DN*. Hà Nội: NXB Tài chính.
20. Lưu Hằng Nga, 2003. Một số ý kiến về tổ chức kế toán quản trị trong các DN. *Tạp chí kiểm toán*, số 2, trang 9 – 10.
21. Trần Xuân Nghĩa, 2012. *Quản lý VLD tại Viễn thông Lâm Đồng*. Luận văn thạc sỹ. Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.
22. Trần Văn Nhã, 2012. *Quản lý VLD tại Công ty cổ phần Lương thực Đà Nẵng*. Luận văn thạc sỹ. Trường Đại học Đà Nẵng.
23. Lê Văn Tâm, 2001. *Quản trị DN*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
24. Phạm Thị Thủy và Nguyễn Thị Lan Anh, 2014. *Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá*. Tái bản lần thứ nhất. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
25. Ngô Thu Yên, 2010. *Một số biện pháp quản trị và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại CTCP Xây lắp bưu điện Hà Nội (Hasisco)*. Luận văn thạc sỹ. Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.